

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SU

Mã hồ sơ:



Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Giao thông vận tải;

Chuyên ngành: Điều khiển trong Giao thông vận tải

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: ĐÀO THANH TOẢN

2. Ngày tháng năm sinh: 28/11/1979; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt nam;

Dân tộc: Kinh;

Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán: xã Vân Hà, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Phòng 501, Nhà N16, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

6. Địa chỉ liên hệ:

Khoa Điện-Điện tử, Trường Đại học Giao thông vận tải, số 3 phố Cầu Giấy, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Điện thoại nhà riêng: 02437663311

Điện thoại di động: 0979379099

E-mail: daotoan@utc.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ năm 2002 đến năm 2004: Trợ giảng, Bộ môn Kỹ thuật Điện tử, Khoa Điện-Điện tử, Trường Đại học Giao thông vận tải

Từ năm 2004 đến năm 2009: Giảng viên, Bộ môn Kỹ thuật Điện tử, Khoa Điện-Điện tử, Trường Đại học Giao thông vận tải

Từ năm 2009 đến năm 2012: Nghiên cứu sinh, tại Viện Khoa học và Công nghệ Tiên tiến Nhật Bản, 1-1 Asahidai, Thành phố Nomi, Tỉnh Ishikawa, Nhật Bản.

Từ năm 2012 đến năm 2013: Nghiên cứu sau tiến sĩ, tại Viện Khoa học và Công nghệ Tiên tiến Nhật Bản, 1-1 Asahidai, Thành phố Nomi, Tỉnh Ishikawa, Nhật Bản.

Từ năm 2013 đến nay: Giảng viên, Bộ môn Kỹ thuật Điện tử, Khoa Điện-Điện tử, Trường Đại học Giao thông vận tải

Từ năm 2017 đến nay: Phó trưởng Bộ môn Kỹ thuật Điện tử, Khoa Điện-Điện tử, Trường Đại học Giao thông vận tải

Từ năm 2019 đến nay: Phó trưởng Phòng Khoa học Công nghệ, Trường Đại học Giao thông vận tải

Chức vụ: Hiện nay: Phó trưởng Phòng Khoa học Công nghệ, Phó trưởng Bộ môn Kỹ thuật Điện tử; Chức vụ cao nhất đã qua: Không.

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Giao thông vận tải, Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Địa chỉ cơ quan: Số 3 phố Cầu Giấy, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, TP. Hà Nội.

Điện thoại cơ quan: 02437663311; Địa chỉ E-mail: dhgtvt@utc.edu.vn; Fax: 02437669613

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Không.

8. Đã nghỉ hưu: Chưa nghỉ hưu.

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 10 tháng 06 năm 2002, ngành: Vô tuyến điện và thông tin liên lạc, chuyên ngành: Kỹ thuật Viễn thông;

Nơi cấp bằng Đại học: Trường Đại học Giao thông vận tải, Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng Thạc sĩ ngày 03 tháng 01 năm 2008, ngành: Kỹ thuật Điện tử, chuyên ngành: Kỹ thuật Điện tử;

Nơi cấp bằng Thạc sĩ: Trường Đại học Giao thông vận tải, Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng Tiến sĩ ngày 24 tháng 09 năm 2012, ngành: Khoa học Vật liệu, chuyên ngành: Khoa học và Công nghệ nano (điện tử);

Nơi cấp bằng Tiến sĩ: Viện Khoa học và Công nghệ tiên tiến Nhật Bản, Ishikawa, Nhật Bản.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS cơ sở:

Trường Đại học Giao thông vận tải

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành:

Giao thông vận tải

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

(1) Nghiên cứu chế tạo thiết bị tự động quan trắc dao động công trình giao thông

(2) Nghiên cứu phát triển thiết bị đánh giá tình trạng sức khỏe của người và xe trong quá trình tham gia giao thông

(3) Nghiên cứu và chế tạo vật liệu mới ứng dụng trong hệ thống điều khiển giao thông vận tải

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn 7 HVCH bảo vệ thành công luận văn thạc sĩ; đang hướng dẫn 1 NCS
- Đã hoàn thành đề tài NCKH: 2 đề tài cấp cơ sở (CN), 1 đề tài cấp Bộ (CN), 3 đề tài cấp Quốc gia (2 CN, 1 TG);
- Đã công bố 31 bài báo KH, trong đó 10 bài báo KH trên tạp chí quốc tế có uy tín (*1 bài báo thuộc ESCI và 9 bài báo thuộc SCIE*);
- Đã được cấp: 1 bằng độc quyền sáng chế;
- Số lượng sách đã xuất bản: 4 Giáo trình đại học.

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Bằng khen của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo năm 2018
- Giấy khen của Hiệu Trưởng Trường Đại học Giao thông vận tải đã có thành tích cao trong hoạt động khoa học công nghệ giai đoạn 2015-2018
- Giải thưởng bài báo xuất sắc và huy chương của hiệp hội vật lý ứng dụng Hokuriku Shin-etsu, Nhật Bản năm 2011

16. Kỷ luật: Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Tôi tự nhận thấy mình có đầy đủ tiêu chuẩn và hoàn thành tốt nhiệm vụ của nhà giáo. Điều đó được thể hiện bởi:

- Được đào tạo theo hệ chính quy hệ đại học và cao học (Trong nước), tiến sĩ và nghiên cứu sau tiến sĩ (Nước ngoài), công tác và làm việc trong môi trường giáo dục, nghiên cứu (Trường Đại học Giao thông vận tải, Viện Khoa học và Công nghệ Tiên tiến Nhật Bản-Nhật Bản) từ 2002. Được đào tạo, cấp chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm đại học. Có đủ khả năng ngoại ngữ là Tiếng Anh để thực hiện các công việc liên quan đến giáo dục đào tạo và nghiên cứu khoa học thuộc chuyên môn.

- Có phẩm chất đạo đức, tư tưởng đúng đắn, có đủ sức khỏe để hoàn thành nhiệm vụ; Tôn trọng nhân cách, công bằng và bảo vệ quyền lợi của người học;
- Gương mẫu trong thực hiện nghĩa vụ công dân và trong việc thực hiện các quy định của Pháp luật và điều lệ của Nhà trường;
- Nhiệm vụ giảng dạy: Luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ giảng dạy đại học và sau đại học với tinh thần trách nhiệm cao; tích cực tham gia hướng dẫn thực tập và thực hành cho sinh viên; tham gia hướng dẫn đề án tốt nghiệp sinh viên, hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học, hướng dẫn luận văn cao học và luận án tiến sĩ với tính chuyên nghiệp và trách nhiệm cao; có uy tín trong sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh và đồng nghiệp;
- Phát triển chương trình đào tạo:
 - + Tham gia xây dựng chương trình đào tạo bậc đại học, đào tạo bậc cao học của Khoa Điện-Điện tử, Trường Đại học Giao thông vận tải;
 - + Viết sách phục vụ cho công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học của Trường Đại học Giao thông vận tải.
- Nhiệm vụ nghiên cứu khoa học:
 - + Tích cực tham gia nghiên cứu khoa học, thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học của Trường Đại học giao thông vận tải, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Giao thông vận tải;
 - + Tổ chức nghiên cứu: đã tổ chức nhóm nghiên cứu chuyên sâu định hướng phục vụ ngành giao thông vận tải gồm các giảng viên, sinh viên đến từ các khoa Điện-Điện tử, Công trình, Trung tâm Khoa học công nghệ giao thông vận tải-Trường Đại học Giao thông vận tải và các nhà khoa học trong và ngoài nước;
 - + Tích cực công bố các công trình nghiên cứu khoa học về các hướng nghiên cứu tại các hội nghị khoa học, các tạp chí khoa học uy tín trong nước và quốc tế;
 - + Tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học: Tích cực tham gia công tác tổ chức các hội nghị, hội thảo khoa học trong nước và quốc tế do Trường Đại học Giao thông vận tải, hội nghề đăng cai tổ chức.
- Thường xuyên học tập và rèn luyện nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, phẩm chất đạo đức, trình độ chính trị để hoàn thành tốt các nhiệm vụ giáo dục và nghiên cứu khoa học trong Trường Đại học.

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số 12 năm.
- Kết quả cụ thể hoạt động đào tạo từ trình độ đại học trở lên 6 năm học, trong đó có 3 năm học cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ:

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2014-2015	0	0	2	4	282	165	447/572.91/280
2	2015-2016	0	0	3	1	270	0	270/386.86/270
3	2016-2017	0	0	1	1	330	0	330/425.45/270
3 năm học cuối								
4	2017-2018	0	0	1	1	228	90	318/502.24/229
5	2018-2019	0	0	0	10	189	45	234/542.18/193
6	2019-2020	0	0	0	5	132	90	222/440.80/81

3. Ngoại ngữ:

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: *tiếng Anh*

a) Được đào tạo ở nước ngoài :

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH ; Tại nước: Nhật Bản năm 2012

Luận án TS viết bằng tiếng Anh, học tập và bảo vệ luận án bằng tiếng Anh.

3.2. Tiếng Anh: Chứng chỉ TOFEL ITP (ngày 17/4/2009)

4. Hướng dẫn NCS, HVCH đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng:

TT	Họ tên NCS hoặc HV	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từđến.....	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NC S	HV CH	Chính	Phụ			
1	Vũ Ngọc Quý		X	X		11/2014-05/2015	Trường Đại học GTVT	06/07/2015

2	Lê Anh Xuân		X	X		05/2014-11/2014	Trường Đại học GTVT	06/07/2015
3	Dương Duy Hà		X	X		05/2015-11/2015	Trường Đại học GTVT	01/02/2016
4	Vũ Tuấn Anh		X	X		11/2014-05/2015	Trường Đại học GTVT	20/05/2016
5	Nguyễn Ngọc Diệp		X	X		05/2015-11/2015	Trường Đại học GTVT	17/04/2017
6	Nguyễn Quý Tuấn		X	X		12/2015-06/2016	Trường Đại học GTVT	29/11/2017
7	Đậu Văn Dũng		X	X		03/2018-09/2018	Trường Đại học GTVT	16/12/2019
8	Khổng Đức Chiến	X		X		05/2017-06/2020	Học viện Kỹ thuật Quân sự	Chưa bảo vệ

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

5.1. Trước khi bảo vệ luận án Tiến sĩ: Không có

5.2. Sau khi bảo vệ luận án Tiến sĩ:

TT	Tên sách	Loại sách (CK,GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang đến trang....)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
1	Kỹ thuật Điện tử số	GT	Nhà xuất bản GTVT,2016	2	X	3-27; 66-184	Có xác nhận của Trường ĐH GTVT
2	Kỹ thuật Đo lường Điện tử	GT	Nhà xuất bản GTVT,2017	2	X	1-108; 239-272	Có xác nhận của Trường ĐH GTVT
3	Kỹ thuật Điện tử	GT	Nhà xuất bản GTVT,2017	3	X	9-70; 141-188	Có xác nhận của Trường ĐH GTVT
4	Kỹ Thuật điện tử tương tự	GT	Nhà xuất bản GTVT,2019	4	X	0	Có xác nhận của Trường ĐH GTVT

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

6.1. Trước khi bảo vệ luận án Tiến sĩ:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/ PCN/ TK/ TG	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
1	ĐT: Truyền số liệu dùng vi xử lý	CN	T2004-ĐDT-39 Cấp Cơ sở (Trường ĐH GTVT)	01/2004-12/2004	01/02/2005/ tốt
2	ĐT: Nghiên cứu hệ thống thông tin vô tuyến trong đường hầm	CN	T2006-ĐDT-61 Cấp Cơ sở (Trường ĐH GTVT)	01/2006-12/2006	06/07/2007/ tốt

6.2. Sau khi bảo vệ luận án Tiến sĩ

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/ PCN/ TK/ TG	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
3	ĐT: Nghiên cứu mạch tích hợp CMOS hữu cơ có thể điều khiển điện áp ngưỡng bằng phương pháp điện trên đế silic và đế dẻo sử dụng polymer bẫy điện tử	CN	103.99-2013.13 Cấp quốc gia (Nafosted)	2014-2016	09/08/2016/ Đạt
4	ĐT: Nghiên cứu chế tạo bộ nhớ memristor bằng phương pháp in và ứng dụng trong việc lưu trữ dữ liệu cho thẻ RFID	CN	B2015-04-16 Cấp Bộ (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	2014-2016	26/01/2018/ Khá
5	ĐT: Nghiên cứu cảm biến áp lực công suất thấp dựa trên transistor màng mỏng hữu cơ thường mở và vật liệu polyme nhạy áp ứng dụng cho mạng kết nối vạn vật	CN	103.02-2017.34 Cấp quốc gia (Nafosted)	2018-2020	13/02/2020/ Đạt
6	ĐT: Nghiên cứu chế tạo hệ thống giám sát tự động và điều khiển tập trung cho thiết bị tín hiệu đường ngang	TG	ĐTĐL.CN-47/16 cấp Quốc gia	2016-2019	17/10/2019/ Đạt

Các chữ viết tắt: ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; TG: Tham gia

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế)

7.1. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố

a) Trước khi bảo vệ luận án Tiến sĩ

TT	Tên bài báo/báo cáo khoa học	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học /ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
1	Organic nonvolatile memory transistors based on fullerene and an electron-trapping polymer	3	Có	Organic Electronics/ ISSN 1566-1199	SCIE -IF2012=4.112 IF2019=3.496 -Q1	32	13,11, 2709- 2715	2012
2	High-performance nonvolatile write-once-read-many-times memory devices with ZnO nanoparticles embedded in polymethylmethacrylate	7	Có	Applied Physics Letters/ ISSN 0003-6951	SCIE -IF2011=3.350 IF2018=3.591 -Q1	34	99,23, 233303/ 1-3	2011

b) Sau khi bảo vệ luận án Tiến sĩ

T T	Tên bài báo/báo cáo khoa học	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
3	Fabrication and characterization of flexible organic CMOS integrated circuits with PMMA dielectric	2	Có	Kỷ yếu khoa học hội nghị quốc tế: IEICE ICDV/ ISBN 978-4-88552-282-6		0	36-41	2013

4	Controllable threshold voltage of a pentacene field-effect transistor based on a double-dielectric structure	4	Có	Organic Electronics/ ISSN 1566-1199	SCIE -IF2012=3.995 IF2019=3.496 -Q1	14	14,8, 2007- 2013	2013
5	Enhancement of ultraviolet light responsivity of a pentacene phototransistor by introducing photoactive molecules into a gate dielectric	6	Có	Japanese Journal of Applied Physics/ ISSN 0021-4922	SCIE -IF2014=1.273 IF2019=chưa có thông tin -Q2	6	53,2S 02BB0 3/1-5	2014
6	Reduction of operating voltage in organic transistor and CMOS circuit utilizing high-K dielectric	2	Có	Kỹ yếu khoa học hội nghị quốc tế: IEEE ATC/ ISBN 978-1-4799-6955-5	Bài báo hội nghị thuộc Scopus	0	383- 386	2014
7	Operational analysis of nanoscale ReRAM cell with MATLAB	2	Có	Kỹ yếu khoa học hội nghị quốc tế: IEICE ICDV/ ISBN 978-4-88552-294-9		0	152- 154	2014
8	Bendable organic memristors in a crossbar array: applications to information storage	1	Có	Kỹ yếu khoa học hội nghị quốc tế: IEEE ATC/ ISBN 978-1-4799-6955-5	Bài báo hội nghị thuộc Scopus	0	32 - 35	2014
9	Tunable threshold voltage of organic CMOS inverter circuits by electron trapping in bilayer gate dielectrics	2	Có	IEICE Transactions on Electronics/ ISSN 1745-1353	SCIE -IF2015= 0.567 IF2019= 0.650 -Q4, Q3	4	98,5, 422- 428	2015

10	Programmable organic CMOS with SiO ₂ and polymer gate dielectrics	2	Có	Kỹ yếu khoa học Hội nghị Vật lý Chất rắn và Khoa học vật liệu toàn quốc lần thứ 9/ISBN 978-604-938-722-7		0	814-817	2015
11	Organic complementary amplifier circuits with mixed dielectrics for large-area active collision detection sensors	1	Có	Kỹ yếu khoa học hội nghị quốc tế IEEE ICICDT/ ISBN 978-1-5090-0827-8	Bài báo hội nghị thuộc Scopus	0	4 trang	2016
12	Design and simulation of a 6 bit successive-approximation ADC using modeled organic thin-film transistors	5	Có	Active and Passive Electronic Components/ ISSN 0882-7516	ESCI -Q4	2	2016, 11 trang	2016
13	Controllable threshold voltage in organic complementary logic circuits with an electron-trapping polymer and photoactive gate dielectric layer	6	Có	ACS Applied Materials & Interfaces/ ISSN 1944-8244	SCIE -IF ₂₀₁₆ = 7.815 IF ₂₀₁₉ =8.326 -Q1	2	8,28, 18249- 18255	2016
14	Xây dựng và hiệu chỉnh mạch đọc cảm biến áp lực hữu cơ	6	Có	Kỹ yếu Hội nghị Quốc gia lần thứ XX về Điện tử, Truyền thông và Công nghệ Thông tin/ISBN 978-604-67-1021-9		0	206-210	2017

15	A low-power complementary organic double-edge triggered D flip-flop with variable-threshold voltage transistors	3	Có	Kỹ yếu khoa học hội nghị quốc tế: IEEE ICDV/ ISBN: 978-1-5386-3377-9	Bài báo hội nghị thuộc Scopus	0	121-126	2017
16	Sử dụng polyme chế tạo cảm biến áp lực mềm ứng dụng trong đo đạc, quan trắc công trình	1	Có	Tạp chí Khoa học Giao thông vận tải/ ISSN 1859-2724		0	62, 50-55	2018
17	Demonstration of a bending detection system for railway sleepers based on a printed large-area pressure sensor	1	Có	Kỹ yếu khoa học hội nghị quốc tế: Vietnam railway development and experiences of China /ISBN 978-604-76-1572-8		0	167-172	2018
18	Development of an organic pressure active sensor for sensing vehicle via smart-phone and internet of things	1	Có	Tạp chí Giao thông Vận tải /ISSN 2354-0818		0	T.11, 222-224	2018
19	Control of threshold voltage and low-voltage operation in organic field effect transistor	4	Không	IEICE Transactions on Electronics/ ISSN 1745-1353	SCIE -IF ₂₀₁₉ = 0.650 -Q3, Q4	0	E102-C,218 4-187	2019
20	An organic RRAM chip fabricated using ink-jet printer and its readout circuit for data storage	1	Có	Kỹ yếu khoa học hội nghị quốc tế: IEEE SigTelCom/ ISBN 978-1-5386-7963-0	Bài báo hội nghị thuộc Scopus	0	140-144	2019

21	Fabrication of a normally-on organic thin film transistor for active sensor construction	3	Không	Tạp chí Khoa học và Kỹ thuật/ ISSN 1859-0209		0	203,96-105	2019
22	Low-cost, flexible pressure capacitor sensor using polyurethane for wireless vehicle detection	4	Có	Polymers/ ISSN 2073-4360	SCIE -IF ₂₀₁₉ = 3.126 -Q2,Q1	0	11,8,1247/1-12	2019
23	A driver drowsiness and distraction warning system based on raspberry Pi 3 Kit	2	Có	Tạp chí Khoa học Giao thông vận tải/ ISSN1859-2724		0	70,3,184-192	2019
24	Chaotic behaviors in a system with a line equilibrium	5	Không	Kỷ yếu khoa học hội nghị quốc tế: IEEE 18th European Control Conference/ ISBN 978-3-907144-00-8	Bài báo hội nghị thuộc Scopus	0	2603-2607	2019
25	Thiết bị đeo cảnh báo lái xe buồn ngủ ứng dụng trong an toàn giao thông đường bộ	1	Có	Tạp chí Khoa học Giao thông vận tải/ ISSN1859-2724		0	70,5,460-469	2020
26	A study on memory data retention in high-temperature environments for automotive	1	Có	Tạp chí Khoa học Giao thông vận tải/ ISSN1859-2724		0	71,1,27-36	2020
27	Low switching voltage, high-stability organic phototransistor memory based on a photoactive dielectric and an electron trapping layer	5	Có	Organic Electronics/ ISSN 1566-1199	SCIE -IF ₂₀₁₉ =3.496 -Q1	0	77,105505/1-6	2020

28	Thiết bị thu thập dữ liệu không dây sử dụng cảm biến áp điện ứng dụng trong đo dao động kết cầu	1	Có	Tạp chí Khoa học Giao thông vận tải/ ISSN1859-2724		0	71,2, 135- 144	2020
29	Tự động cảnh báo vượt quá vạch an toàn cho ga Metro Hà Nội sử dụng cảm biến từ mềm	1	Có	Tạp chí Khoa học Giao thông vận tải/ ISSN1859-2724		0	71,3, 263- 273	2020
30	An IoT node with organic pressure sensor for structural health monitoring system	4	Không	Kỷ yếu khoa học hội nghị quốc tế: IEEE ICGHIT/ ISBN 978-1-7281-6295-9	Bài báo hội nghị thuộc Scopus	0	21-24	2020
31	A new approach in line tracking in self-driving car using a low-cost UV organic photosensor	1	Có	Science Journal of Transportation/ ISSN 2410-9088		0	10, 109- 117	2020

- Trong đó, số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được cấp bằng TS: 7.

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích:

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Số tác giả
1	Bằng độc quyền sáng chế: Cảm biến áp lực hữu cơ bằng vật liệu polyme để theo dõi sức khỏe công trình và hệ thống tự động theo dõi sức khỏe công trình xây dựng Số bằng: 23872	Cục sở hữu trí tuệ, Bộ Khoa học Công nghệ (Việt Nam)	24/4/2020	3

- Trong đó, bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích cấp sau khi được cấp bằng TS: 1

7.3. Giải thưởng quốc gia, quốc tế: Không

7.4. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: Không

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

- Tham gia xây dựng chương trình đào tạo bậc đại học: Kỹ thuật Điện tử và Tin học công nghiệp, Tự động hóa, Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa giao thông, Khoa Điện-Điện tử, Trường Đại học Giao thông vận tải

- Tham gia xây dựng chương trình đào tạo bậc cao học: Kỹ thuật Viễn thông, Kỹ thuật Điện tử, Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa, Khoa Điện-Điện tử, Trường Đại học Giao thông vận tải

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế: Không

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH :

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 28 tháng 6 năm 2020

NGƯỜI ĐĂNG KÝ



ĐÀO THANH TOẢN